TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 54/2018/HNG§-ST
Ngµy 06-11-2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018 giữa các đương sự:

** **Nguyên đơn:** Chị Lục Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đồng Đ, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G;

Hiện trú tại: Thôn Trại H, xã Hồng K, huyện Yên T, tỉnh Bắc G;

**** Bị đơn:** Anh Lưu Đình T, sinh năm 1991 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồng Đ, xã Tân T, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 13/8/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lục Thị H trình bày:

Chị và anh Lưu Đình T kết hôn ngày 24/10/2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T, huyện Tân Y. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2015, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Thị T, sinh ngày 06/6/2012, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Thìn cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hiện chị đang làm công nhân Công ty Hosiden chuyên sản xuất linh kiện điện tử tại Khu công nghiệp Quang C, Việt Y, thu nhập bình quân hàng tháng của chị trên 8.000.000 đồng. Chị ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn Trại H, xã Hồng K, huyện Yên T, ngoài ra có vợ chồng anh trai chị cùng 02 con của anh chị cùng sinh sống. Bố mẹ chị làm ruộng tại nhà nên trong thời gian chị đi làm thì bố mẹ sẽ giúp chị trông nom, chăm sóc và đưa đón con chị đi học. Con chị là cháu Lưu Thị T hiện đang học lớp 1 Trường tiểu học xã Hồng Kỳ, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Hiền giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh T và trình bày: Hiện chị đang làm tại Công ty Hosiden tại khu Công nghiệp Quang C thu nhập trên 8.000.000 đồng/tháng, tài liệu chứng cứ này chị đã cung cấp cho Tòa án. Tài sản chung: chị xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Lưu Đình T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng anh Thìn không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lưu Đình T vắng mặt.

Toà án cũng đã tiến hành mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí, nhưng anh Thìn từ bỏ quyền lợi của mình và đều không tiến hành hòa giải được do anh Thìn vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lục Thị H được ly hôn anh Lưu Đình T.

Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Hiền nuôi dưỡng con chung là Lưu Thị T, sinh ngày 06/6/2012. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lục Thị H phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Anh Lưu Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Thìn.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Lục Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân T làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị H đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2015, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Tại biên bản lấy lời khai của chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi cho mình. Hai vợ chồng chị H và anh T ly thân nhau từ tháng 02/2015 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H xác nhận có 01 con chung là Lưu Thị T, sinh ngày 06/6/2012. Từ nhỏ đến nay cháu T ở với chị, anh T không quan tâm chăm sóc gì đến con, hiện chị đang làm ở tại Công ty Hosiden tại khu Công nghiệp Quang C thu nhập trên 8.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi con. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H và giao cháu T cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu T. Sau khi ly hôn, anh Lưu Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lục Thị H được ly hôn anh Lưu Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lục Thị Hiền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lưu Thị T, sinh ngày 06/6/2012. Anh Lưu Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, anh Lưu Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Lục Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002117 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Lục Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân